

http://www.rfa.org/vietnamese/in_depth/TranTrongKimGovernmentIn1945_MHungTMI-20060415.html

15/ 4 năm nay đánh dấu 61 năm kỷ niệm ngày thành lập chính phủ độc lập đầu tiên của Việt Nam sau hơn 8 thập niên bị thực dân Pháp đô hộ. Tuy chỉ nắm quyền trong một thời gian ngắn và cũng chưa hoàn toàn có được chủ quyền, nhưng chính phủ Trần Trọng Kim được đánh giá là đóng góp một phần không nhỏ trong tiến trình dành lại độc lập cho Việt Nam.

Đến nay, những thành tựu của chính phủ này bị lu mờ bởi các sự kiện xảy ra sau đó, bắt đầu bằng cuộc Cách mạng tháng 8 và chính quyền Hồ Chí Minh, rồi đến cuộc chiến Việt-Pháp và cuộc nội chiến Nam-Bắc kéo dài cho đến năm 1975 mới chấm dứt.

Mời quý vị cùng Trà Mi tìm hiểu thêm về sự kiện lịch sử ít được biết đến này, qua cuộc trao đổi với tiến sĩ kinh tế-sử Lê Mạnh Hùng. Trước tiên, ông cho biết về những nguyên nhân dẫn đến việc thành lập chính phủ Trần Trọng Kim vào giữa tháng tư năm 1945.

Tiến sĩ Lê Mạnh Hùng: Chính phủ Trần Trọng Kim được thành lập sau khi Nhật Bản lật đổ chính quyền thuộc địa Pháp tại Đông Dương vào ngày 9 tháng 3, 1945 và tuyên bố trả độc lập cho Việt Nam. Nhưng vì độc lập mà Nhật gọi là trao trả cho Việt Nam rất là giới hạn thành ra việc thành lập chính phủ cũng bị rất nhiều trở ngại.

Phải mất trên một tháng từ khi ông Bảo Đại ra tuyên ngôn tuyên bố độc lập vào ngày 11 tháng 3 cho đến ngày 15 tháng tư mới thành lập được chính phủ. Đó là vì Nhật không chịu bất kỳ những nhà chính trị nào dù là thân Nhật mà họ cho rằng có thể có những ước vọng độc lập nhiều hơn là Nhật dành cho.

Thành ra chính phủ Trần Trọng Kim được thành lập bao gồm phần lớn là những nhà trí thức, chuyên môn mà trước đó không nằm trong các đảng phái cách mạng chống Pháp. Nói theo ngôn từ hiện nay thì chúng ta có thể nói đây là một chính phủ của những chuyên gia. Nhưng không phải vì trước đó họ không hoạt động chính trị mà họ không ái quốc. Và dù rằng chỉ kéo dài được có bốn tháng chính phủ Trần Trọng Kim cũng đã làm được một số công chuyện đặt cơ sở cho một nước Việt Nam độc lập về sau này.

Những thành công

Trà Mi: *Thế chính phủ Trần Trọng Kim đã làm được những chuyện gì?*

Tiến sĩ Lê Mạnh Hùng: Với an ninh, quốc phòng và kinh tế tài chánh đều nằm trong tay quân đội Nhật, tất cả những gì mà chính phủ Trần Trọng Kim có thể đạt được trong việc dành lại chủ quyền cho Việt Nam thực tế là chỉ có tính cách biểu tượng. Nhưng trong tình huống Đông Dương vào năm chót của thế chiến thứ hai, biểu tượng đóng một vai trò rất quan trọng.

Biết rằng thất bại của Nhật Bản chỉ là một vấn đề thời gian, Trần Trọng Kim và chính phủ của ông đưa ra một chương trình nhằm thay đổi tâm lý người Việt đến mức mà đất nước sẽ không thể trở lại tình trạng thuộc địa nữa một khi chiến tranh chấm dứt, như lời nói sau đây của ông Hoàng Xuân Hãn khi kể lại mục tiêu của cụ Kim khi thành lập cũng như là của ông khi tham gia chính phủ “Chúng tôi muốn đặt trước Đồng Minh khi chiến tranh chấm dứt với một nước Việt Nam độc lập trên thực tế để chúng ta không thể nào trở lại tình trạng cũ là một thuộc địa của Pháp nữa”.

Theo ông Hãn, để đạt được mục tiêu này, họ đề ra ba nhiệm vụ chính. Thứ nhất thương thuyết với Nhật để chuyển nhượng quyền chính trị và kinh tế về cho Việt Nam cũng như là thống nhất đất nước bị Pháp chia thành ba phần bằng cách đưa Nam Kỳ và các thành phố Hà Nội, Hải Phòng và Tourane trở lại dưới sự cai trị của triều đình Huế.

Thứ hai, Việt Nam hóa cơ cấu hành chính thuộc địa của Pháp bằng cách thay thế các quan chức và chuyên viên Pháp, Nhật với người Việt. Và thứ ba tạo ra trong quần chúng một tinh thần quốc gia mới, một niềm ái quốc mới qua một hệ thống giáo dục hoàn toàn dùng tiếng Việt làm ngôn ngữ giảng dạy. Theo ông Hoàng Xuân Hãn, họ hy vọng rằng sẽ có được từ một năm đến 18 tháng để thực hiện chương trình này.

Các tiến trình

Trà Mi: Ông có thể cho biết một cách cụ thể hơn về những gì chính phủ Trần Trọng Kim đã làm để đạt được ba mục tiêu đó không?

Tiến sĩ Lê Mạnh Hùng: Một trong những quyết định đầu tiên của chính phủ Trần Trọng Kim là chính thức đổi quốc hiệu của Việt Nam trở lại thành Việt Nam. Đây là một quyết định có ý nghĩa quan trọng. Việt Nam là tên được Gia Long lựa chọn cho khi thống nhất đất nước (dưới thời Minh Mạng đổi tên là Đại Nam) và sau này trở thành biểu tượng của cuộc đấu tranh giành độc lập khi các nhà cách mạng Việt Nam từ Phan Bội Châu cho đến Nguyễn Thái Học chọn cái tên Việt Nam trong các đảng của họ.

Cùng với quốc hiệu, chính phủ Trần Trọng Kim cũng chọn lá cờ là cờ quẻ ly: nền vàng, ba sọc đỏ với sọc đỏ ở giữa bị đứt đoạn (Lá cờ này sau trở thành lá cờ của Việt Nam Cộng Hòa nhưng với sọc đỏ ở giữa được nối liền lại).

Các cuộc thương thuyết đề thu hồi Nam Kỳ, Bắc Kỳ và ba thành phố nhượng cho Pháp được tiến hành ngay sau khi chính phủ được thành lập. Bắc Kỳ được trao trả lại cho triều đình Huế vào ngày 27 tháng 4. Ngày 2 tháng 5, tổng đốc Thái Bình Phan Kế Toại được bổ nhiệm làm Khâm Sai Bắc Kỳ, tuy rằng phải đến tháng 6, 1945, chức Khâm Sai này mới được đặt trực tiếp dưới quyền triều đình Huế thay vì dưới quyền viên thống sứ Bắc Kỳ như dưới thời Pháp. “Thông sứ” Bắc Kỳ người Nhật nay đổi tước hiệu là “cố vấn tối cao”.

Ngày 11 tháng 6, 1945, tướng Nhật Tsuchihashi tư lệnh đạo quân chiếm đóng của Nhật tại Đông Dương và được Nhật phong làm toàn quyền Đông Dương gặp Bảo Đại tại Huế để thảo luận về việc trả lại Nam Kỳ, Hà Nội, Hải Phòng và Tourane cho Việt Nam. Ngày 16 tháng 6, 1945 Bảo Đại ra một tuyên bố về việc thống nhất tương lai của ba kỳ.

Sang tháng bảy, Nhật Bản chuyển sang cho chính phủ Việt Nam mọi cơ sở trực thuộc trước đây dưới chính quyền liên bang của Pháp. Hà Nội, Hải Phòng và Tourane được trả về cho triều đình Huế vào tháng bảy sau khi Trần Trọng Kim gặp Tsuchihashi vào ngày 13. Trần Văn Lai được bổ nhiệm làm thị trưởng Hà Nội, Vũ Trọng Khanh thị trưởng Hải Phòng và Nguyễn Khoa Phong thị trưởng Tourane. Nam Kỳ chỉ được trả về cho triều đình Huế vào ngày 14 tháng 8 với Nguyễn Văn Sâm được bổ nhiệm làm Khâm Sai Nam Kỳ.

Việc Việt Nam hóa guồng máy hành chính thuộc địa chỉ thành công một phần. Bởi vì cả Nhật lẫn chính phủ Trần Trọng Kim đều không muốn thấy có những thay đổi quá lớn trong guồng máy hành chính có thể làm trở ngại đến việc điều hành, thành ra bộ máy hành chính thuộc địa của Pháp để lại hầu như còn nguyên.

Lúc ban đầu hầu hết những viên chức người Pháp cũng vẫn còn giữ nguyên các chức vụ cũ ngoại trừ những viên chức cao cấp hoặc những viên chức nào liên quan đến các ngành an ninh hoặc chính trị. Chỉ đến cuối tháng sáu những người Pháp này, ngoại trừ những chuyên viên tại những ngành thuần túy kỹ thuật mới bị cho nghỉ. Nhưng vì thiếu những người Việt có đủ khả năng thay thế cho nên việc thay đổi này đã ảnh hưởng mạnh đến hiệu năng của guồng máy hành chính.

Việc dùng tiếng Việt thay cho tiếng Pháp trong hành chính thành công hơn. Tuy rằng các liên lạc với Nhật vẫn còn phải dùng tiếng Pháp và những văn kiện quan trọng vẫn phải dịch sang tiếng Pháp cho người Nhật, nhưng kể từ 22 tháng 5, 1945 hầu như tất cả mọi văn kiện của chính phủ đều dùng tiếng Việt ngoại trừ trong lãnh vực y tế và trong văn thư liên lạc với các công ty Trung Hoa và Pháp. Việc dùng tiếng Việt trong các văn kiện chính thức cũng phù hợp với mục tiêu thứ ba của chính phủ Trần Trọng Kim tức là tạo ra một tinh thần quốc gia mới.

Với mục đích này, chính quyền đặt nặng tới việc cải tổ giáo dục. Một chương trình trung học mới, dùng tiếng Việt làm chuyển ngữ thay cho tiếng Pháp được Hoàng Xuân Hãn soạn thảo và áp dụng ngay trong niên học 1945-46 tại Bắc Kỳ và Trung Kỳ. Chương trình này sau trở thành cơ sở cho chương trình trung học tại Việt Nam, cả miền bắc lẫn miền nam, trong nhiều năm sau này.

Chương trình mới này nhấn mạnh tới lịch sử Việt Nam, đặc biệt là các cuộc kháng chiến bảo vệ hoặc giành lại độc lập cũng như là những thành công của dân tộc trên phương diện văn học và nghệ thuật. Một cuốn từ điển danh từ kỹ thuật do Hoàng Xuân Hãn và một số người khác soạn cho chương trình học mới này đã còn được sử dụng cho đến 1975 tại miền Nam Việt Nam.

Các biện pháp khác bao gồm việc đặt lại tên các đường phố theo các danh nhân Việt Nam và hủy bỏ những pho tượng các quan chức thuộc địa Pháp. Các nhà văn cũng như các nhà nghiên cứu được khuyến khích tìm hiểu lịch sử những cuộc đấu tranh chống Pháp và viết lại về cuộc đời những người như Nguyễn Thái Học.

Chính quyền cũng khuyến khích việc thành lập các hội đoàn. Công chức được tổ chức thành một tổng hội, Tổng Hội Công Chức, với hy vọng rằng biến họ thành một lực lượng chính trị ủng hộ cho chính phủ. Nhưng vừa thiếu kinh nghiệm vừa e ngại không muốn vượt ra ngoài vai trò kỹ thuật, hành chánh của mình những tổ chức quần chúng mà chính quyền khuyến khích thành lập cuối cùng đều rơi vào tay những lực lượng chính trị khác.

Những trở ngại

Trà Mi: *Trong khi thực hiện những chương trình như vậy, chính phủ Trần Trọng Kim có gặp những trở ngại gì không?*

Tiến sĩ Lê Mạnh Hùng: Sự thiếu kinh nghiệm của chính phủ cũng như là tình trạng hỗn loạn tại nhiều nơi sau khi Nhật đảo chánh là trở ngại quan trọng nhất. Tại một số nơi, nhất là tại những huyện xa, các quan lại và công chức bỏ chạy về tỉnh sau khi đảo chánh khiến cho nhiều vùng, nhất là vùng quê không có ai kiểm soát.

Trong khi đó, chính quyền đã không nắm được tình hình chung cho nên có quá nhiều những quyết định được thảo ra và ban hành tại Huế, nhưng đã không được các địa phương áp dụng. Tuy nhiên, tại những nơi mà chính quyền có khả năng kiểm soát được, tức là tại những thành phố và thị trấn lớn ở miền bắc và miền trung, chính phủ Trần Trọng Kim cũng làm được một số cải cách. Một số quan lại tham nhũng bị cách chức, có người bị đưa ra tòa. Với sự giúp đỡ của Nhật, tháng 6, 1945 một trường hành chánh được thành lập để huấn luyện công chức. Nhưng khóa đầu tiên của trường chưa tốt nghiệp thì chính phủ Trần Trọng Kim đã sụp đổ.

Nguyên nhân thất bại

Trà Mi: *Xin ông cho biết vì sao chính phủ Trần Trọng Kim chỉ tồn tại được trong 1 thời gian ngắn là 4 tháng?*

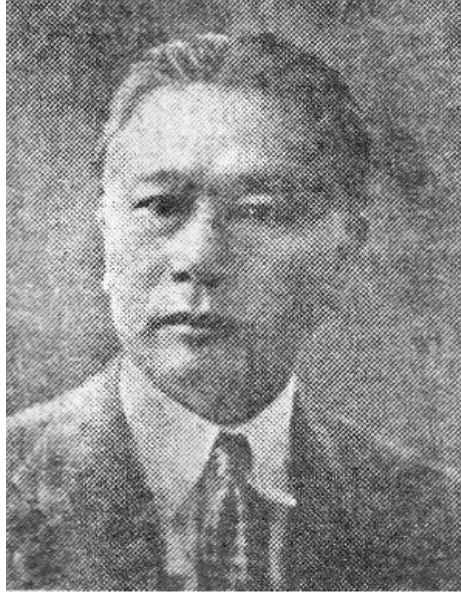
Tiến sĩ Lê Mạnh Hùng: Quan trọng nhất là do sự đầu hàng của Nhật. Vào cuối tháng 7 đầu tháng 8 nổi lên phong trào là người ta muốn thay thế bằng một chính phủ có tính cách chính trị hơn.

Đó là một trong những lý do khiến chính phủ Trần Trọng Kim phải từ chức vào ngày 7, 8 tháng 8 trong khi chờ đợi tổ chức 1 chính phủ mới. Thế nhưng sau đó xảy ra cuộc cách mạng tháng 8 Việt Minh cướp chính quyền, khiến cho việc tổ chức mới có tính cách chính trị và đấu tranh hơn bị thất bại.

Trà Mi: *Chúng tôi xin chân thành cảm ơn tiến sĩ Lê Mạnh Hùng đã dành thời gian cho buổi nói chuyện hôm nay.*

HỌC GIẢ TRẦN TRỌNG KIM - TRẦN VĂN CHÁNH

<http://tamgiaodongnguyen.com/VanUyen/TranTrongKim.htm>



Trần Trọng Kim
lúc trẻ và khi cao tuổi.



Phát Triển (Huế: Sở Khoa Học và Công Nghệ Thừa Thiên - Huế, số 6-7 [104-105] năm 2013, tr. 108-142) có bài TẢN MẠN NHÂN VẬT LỊCH SỬ TRẦN TRỌNG KIM QUA NHỮNG TRANG HỒI KÝ của nhà nghiên cứu Trần Văn Chánh. Văn Uyển đã xin phép tác giả và tạp chí để trích đăng lại đây phần viết về tiền bối Trần Trọng Kim ở cương vị là một học giả đầy uy tín, rất đáng kính trọng và rất có công với văn hóa dân tộc.

Thuộc thế hệ tuổi trên dưới sáu mươi như chúng tôi, ở miền Nam, hễ có quan tâm ít nhiều tới chuyện sách vở thì hầu như không ai không biết đến nhân vật Trần Trọng Kim (1883-1953), một học giả tên tuổi, có thời gian ngắn tham gia chính trị với tư cách Thủ Tướng của Đế Quốc Việt Nam (1945), và là người tiên phong cho một số công trình biên khảo có giá trị lâu dài thuộc nhiều lĩnh vực học thuật khác nhau, như Việt Nam Sử Lược, Nho Giáo, Truyện Thúy Kiều...

Khởi đầu sự nghiệp trí thức từ năm 1914 khi phụ trách mục “Học Khoa” trên Đông Dương Tạp Chí, với loạt bài viết có tính giáo khoa về luân lý và về khoa sử phạm học, nếu tính đúng và đủ, Trần Trọng Kim là tác giả của tất cả những công trình đã in thành sách, liệt kê theo thứ tự thời gian như sau:

- Sơ Học Luân Lý (Nhà in Trung Bắc Tân Văn, Hà Nội, 1914),
- Su Phạm Khoa Yếu Lược (Trung Bắc Tân Văn, 1916),
- Việt Nam Sử Lược (hai quyển Thượng và Hạ, Trung Bắc Tân Văn, 1919),
- Truyện Thúy Kiều Chú Giải (1925, soạn chung với Bùi Kỳ),

- Quốc Văn Giáo Khoa Thư (ba tập: lớp Đồng Ấu, lớp Dự Bị, và lớp Sơ Đẳng), Luân Lý Giáo Khoa Thư, Sử Ký Giáo Khoa Thư (cả ba loại giáo khoa thư này xuất bản năm 1926, và đều soạn chung với Nguyễn Văn Ngọc, Đặng Đình Phúc, Đỗ Thận, do Nam Sơn Nguyễn Văn Thọ vẽ minh họa),
- Bốn Mươi Bảy Điều Giáo Hóa Của Nhà Lê (Trung Bắc Tân Văn, 1928, dịch Lê Triều Giáo Hóa Điều Luật Tứ Thập Thất Điều ra tiếng Pháp: Les 47 articles du Catéchisme moral de l'Annam d'autrefois),
- Nho Giáo (Trung Bắc Tân Văn, 1930, ba quyển; sau in gộp lại thành hai quyển, 1932-1933),
- Việt Thi (sao lục và chú giải),
- Phật Lục (Nxb Lê Thăng, Hà Nội, 1940),
- Phật Giáo (Tân Việt xuất bản),
- Vương Dương Minh (1940),
- Việt Nam Văn Phạm (Lê Thăng, Hà Nội, 1941, soạn chung với Phạm Duy Khiêm, Bùi Kỳ),
- Tiểu Học Việt Nam Văn Phạm (Tân Việt xuất bản),
- Phật Giáo Thừa Xưa Và Phật Giáo Ngày Nay (Tân Việt, 1953; “Lời Mở Đầu” của tác giả đề tháng 10-1952),
- Hạnh Thực Ca (Tân Việt xuất bản),
- Đường Thi (Tân Việt xuất bản),
- Lãng Ca Kinh (Tân Việt, 1964),
- Một Con Gió Bụi (hồi ký, viết từ năm 1949, xuất bản năm 1969 tại Sài Gòn do Nxb Vĩnh Sơn).

Ngoài những sách đã in chính thức trên đây, Trần Trọng Kim còn có:

- Loạt bài biên khảo dài về Đạo Giáo (đạo Lão Tử) đăng nhiều kỳ trên Nam Phong Tạp Chí (từ số 67 năm 1923), chưa xuất bản thành sách.
- Vũ Trụ Đại Quan và Thiên Văn Học là hai công trình biên khảo khác nữa nhưng dường như chỉ ở dạng bản thảo đã bị thất lạc trong thời kỳ chiến tranh Việt-Pháp (1946-1954). Quyển đầu thấy tác giả có nhắc qua trong một bức thư gửi Giáo Sư Hoàng Xuân Hãn mới được công bố gần đây; còn quyển sau, chỉ được biết qua sự ghi nhận của nhà văn, nhà báo Lãng Nhân Phùng Tất Đắc trong tập hồi ký Nhớ Nơi Kỳ Ngộ (do Ziên Hồng xuất bản ở Hoa Kỳ năm 1997).
- Riêng cuốn Pháp Bảo Đàn Kinh nói là do ông dịch, chúng tôi chỉ thấy giới thiệu sau bìa lưng một quyển sách khác do Nxb Tân Việt in năm 1964, nên chưa thể xác định.

Nếu xét trên phương diện đề tài thì tác phẩm của Trần Trọng Kim bao quát một phạm vi rất rộng, từ giáo khoa nhiều môn học sang các lĩnh vực văn, triết, sử, tôn giáo, và đều có tính cách tiên phong đi đầu trên mỗi lĩnh vực học thuật trong giai đoạn chuyển giao từ nền cựu học sang tân học, trong số đó riêng bộ Việt Nam Sử Lược từ khi ra đời đã được đánh giá là một trong những bộ sử quy mô đầu tiên của Việt Nam viết bằng chữ quốc ngữ, vừa có phong cách ngắn gọn, súc tích, vừa đầy đủ dễ hiểu, đọc rất hấp dẫn, và được tái bản cho đến nay có đến chục lần.

Điều khá đặc biệt là những cuốn giáo khoa tiểu học nêu trên do ông chủ trì biên soạn đều là những sách viết rất hay, mà một số bài trong đó đến nay lớp người từng học tiểu học khoảng nửa trước thế kỷ Hai Mươi vẫn còn thuộc nằm lòng. Một số câu, đề bài đã trở thành những câu khẩu ngữ rất quen thuộc: Ai bảo chăn trâu là khổ... Xuân đi học con người hơn hờ... Cách biên soạn đơn giản, dễ nhớ như thể của nhóm soạn giả Trần Trọng Kim rất có giá trị thuyết phục, mà ngày nay có lẽ còn phải phấn đấu học hỏi nhiều nữa giới sư phạm mới có thể vượt lên hơn được.

Trong Việt Nam Văn Học Sử Yếu, Giáo Sư Dương Quảng Hàm (1898-1946) xếp Trần Trọng Kim vào chương Các Văn Gia Hiện Đại cuối sách, ở tiểu mục Khuynh Hướng Về Học Thuật, chỉ với ba dòng nhận xét rất ngắn gọn nhưng đủ khái quát hết sự nghiệp học thuật của ông: “Trần Trọng Kim (hiệu Lê Thần) là một nhà sư phạm đã soạn nhiều sách giáo khoa có giá trị và một học giả đã có công khảo cứu về Nam sử và các học thuyết cổ của Á Đông.” (1)

Đến Nhà Văn Hiện Đại (bốn tập, Tân Dân, Hà Nội, 1942-1945), nhà phê bình văn học Vũ Ngọc Phan (1902-1987) xếp Trần Trọng Kim vào “Các nhà văn lớp đầu”, nhóm biên khảo (cùng với Bùi Kỷ, Lê Dur, Phan Khôi, Nguyễn Quang Oánh, Nguyễn Văn Ngọc, Nguyễn Văn Tố, Đào Duy Anh), đã giới thiệu khá tỉ mỉ văn nghiệp của ông (chiếm đến ba mươi trang giấy), đặc biệt giới thiệu, phân tích, phê bình một cách tập trung, chi tiết vào ba quyển Việt Nam Sử Lược, Nho Giáo và Việt Nam Văn Phạm.

Riêng Việt Nam Sử Lược, Vũ Ngọc Phan cho rằng “tuy gọi là ‘lược’ nhưng cũng đủ được mọi việc trong thời kỳ đã qua của nước nhà và đáng coi là một bộ sách giá trị.” (2) Rồi đi tới một kết luận chung cho toàn bộ sự nghiệp biên khảo của Trần Trọng Kim:

“Đọc tất cả các văn phẩm của Trần Trọng Kim, người ta thấy tuy không nhiều, nhưng quyển nào cũng vững vàng chắc chắn, không bao giờ có sự cẩu thả.

“Ông có cái khuynh hướng rõ rệt về loại biên khảo; chỉ đọc qua nhan đề các sách của ông, người ta cũng có thể thấy ngay: hết lịch sử, đến đạo Nho, đến đạo Phật, rồi lại đến mẹo luật tiếng Việt Nam. Ông là một nhà giáo dục, nên những sách của ông toàn là sách học cả.

“Văn ông là một thứ văn rất hay, tuy rất giản dị mà không bao giờ xuống cái mực tầm thường; lời lẽ sáng suốt, giọng lại thiết tha như người đang giảng dạy. Lối văn ấy là lối văn của một nhà văn có nhiệt tâm, có lòng thành thật.” (3)

Lại đến Việt Nam Văn Học Sử Giản Ước Tân Biên của Phạm Thế Ngũ (1921-2000), tập III, phần Văn Học Hiện Đại 1862-1945 (Sài Gòn: Quốc Học Tùng Thư, 1965), nhà nghiên cứu văn học rất tài hoa uy tín này tiếp tục xếp Trần Trọng Kim vào hàng ngũ các nhà biên khảo tiêu biểu của giai đoạn 1907-1932, chung với Phan Kế Bính (1875-1921), Nguyễn Hữu Tiến (1874-1941) – hai tác giả đã được Vũ Ngọc Phan xếp vào nhóm Đông Dương Tạp Chí và nhóm Nam Phong Tạp Chí – và Phan Khôi (1887-1959). Phạm Thế Ngũ gọi Trần Trọng Kim là nhà giáo dục mới, lần lượt đi qua các tác phẩm tiêu biểu, trước khi đi đến nhận định tổng quát có thể bổ sung được cho sự đánh giá của Dương Quảng Hàm và Vũ Ngọc Phan vừa nêu trên:

“Ở Trần Trọng Kim ta thấy một đặc điểm là mặc dù sớm theo Tây học, lại sang cả Pháp du học, song ông đã có với văn hóa Đông phương một mối kính cần sâu xa. Có thể nói ông chủ trương bảo tồn, thủ cựu hơn cả Phạm Quỳnh. Về đường trước tác thì có thể nói ông đã thực hiện đúng cái đường lối... là đem tất cả cái gia tài văn hóa của ông cha mà bàn giao lại cho thế hệ mới... Tuy có Tây học song ông tự đặt mình vào phái cũ, đem cái phương pháp mới học được của Tây học mà làm những công trình bàn giao ấy cho được rõ ràng hơn hoàn bị hơn. Sự phối hợp giữa một phương pháp biên khảo mới mẻ và một kho kiến thức phong phú cộng thêm vào một thiện chí theo đuổi ‘cúc cung tận tụy’ đã khiến cho những công trình của ông có một giá trị vững bền và đặt ông vào hàng đầu các nhà biên khảo ở giai đoạn này.

“Về hành văn thì ông có một lối văn đặc biệt bình dị... Không ưa những hình ảnh cao kỳ, lối sắp đặt đối ngẫu, sự bay bổng hay hào hoa, chỉ muốn dùng cách thông thường nhất dễ hiểu nhất, để dẫn giải ôn tồn cho người ta hiểu. Văn bình đạm song có khí có lực, cũng như con người vậy.” (4)

Trần Trọng Kim, còn có bút hiệu Lê Thần, sinh năm 1883 (Quý Mùi) tại làng Kiêu Lĩnh, xã Đan Phố (nay là Xuân Phố, trước thuộc tổng Đan Hải), huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.

Theo Vũ Ngọc Khánh, họ Trần của Trần Trọng Kim là một họ lớn ở Đan Phố (lúc đầu gọi Đan Phố, sau theo cách phát âm mới đọc là Phố), cụ thân sinh ra Trần Trọng Kim là Trần Bá Huân, có tham gia phong trào Cần Vương. Em gái ông tên Trần Thị Liên (mất năm 1964). Ngoài ra, ông còn có người con gái hiện đang ở Pháp.(5) Riêng vợ ông là em gái của nhà nghiên cứu văn học Bùi Kỷ (1888- 1960).

Xuất thân trong một gia đình Nho Giáo, ông học chữ Hán từ nhỏ. Năm 1897, học chương trình Pháp ở trường Pháp-Việt Nam Định. Năm 1900, thi đỗ vào trường Thông Ngôn, tốt nghiệp năm 1903. Năm 1904, làm Thông Sự ở Ninh Bình.

Ít ai biết rõ thuở hàn vi của Trần Trọng Kim ra sao, vì ngay trong tập hồi ký viết cuối đời, cuốn Một Con Gió Bụi (tên phụ Kiến Văn Lục, Sài Gòn: Nxb Vĩnh Sơn, 1969), cũng không thấy kể. Chỉ biết ông nhà nghèo, nên năm 1906 mới nhờ bạn học cũ là Nguyễn Văn Vĩnh (1882-1936) giúp, khi ông Vĩnh được nhà nước bảo hộ Pháp giao trách nhiệm tổ chức đi dự Hội Chợ Marseille ở Pháp (hội đó gọi là “đấu xảo”), sắp xếp cho ông đi theo với tư cách thợ khảm, mà thật ra mục đích chính chỉ để tranh thủ ở lại Pháp học thêm: “Thì mục đích mình là kiếm đường du học, chứ tôi có biết khảm khiếm gì đâu!” (6)

Từ đó ông trải qua học trường Thương Mại ở Lyon, rồi được học bổng vào trường Thuộc Địa Pháp. Năm 1909, vào học trường Sư Phạm Melun, tốt nghiệp ngày 31-7-1911 rồi về nước, do học bổng của mọi sinh viên lúc đó đột nhiên bị bãi. Sau đó, ông lần lượt dạy ở trường Trung Học Bảo Hộ (trường Bưởi), trường Hậu Bỏ và trường Nam Sư Phạm.

Ông là nhà giáo mẫu mực, có uy tín trong xã hội, từng giữ nhiều chức vụ trong ngành giáo dục thời Pháp thuộc như: thanh tra các trường tiểu học Pháp-Việt (1921), trưởng ban soạn thảo sách giáo khoa tiểu học (1924), giáo viên trường Sư Phạm Thực Hành (1931), giám đốc các trường nam tiểu học tại Hà Nội (1933). Ngoài ra ông còn là phó trưởng ban Ban Văn Học của Hội Khai Trí Tiến Đức và nghị viên Viện Dân Biểu Bắc Kỳ. Ông về hưu năm 1942 khi vừa tròn sáu mươi tuổi.

Theo lời kể lại của Lãng Nhân, một người được Trần Trọng Kim coi là bạn trẻ khá thân thiết, thì ông người vóc đậm nên trông hơi thấp, nước da ngăm ngăm, đi đứng khoan thai vững vàng, tuy gốc Nghệ Tĩnh nhưng ở Bắc lâu nên giọng nói nhẹ nhàng. Thấy ông là nhà giáo đạo mạo, lại chuyên viết những công trình nghiêm túc gần như giảng đạo, ít ai nghĩ Trần Trọng Kim là người có óc trào lộng, thích kể chuyện tiểu lâm, và cũng theo Lãng Nhân cho biết, cuốn sách nhỏ do nhà Ích Ký, phố Hàng Giấy xuất bản năm 1910, có những chuyện “xứ Nghệ” xem vỡ bụng cười, đều do ông Trần kể lại với tác giả Thọ An, tức Phạm Duy Tốn (1883-1924), một nhân vật trọng yếu của nhóm Nam Phong.

Có những chi tiết rất lý thú về nền nếp sinh hoạt hằng ngày của ông. Cũng theo Lãng Nhân: “Sở dĩ ông thực hiện được những tác phẩm có giá trị cả về phẩm lẫn lượng, là nhờ sự kê cứu tỉ mỉ công phu cùng đức tính cần cù, nhẫn nại và cương quyết ít thấy ở ai khác. Thật vậy, nhà ông, trên lầu, riêng một căn làm thư phòng, giữa kê một bàn giấy lớn, sách vở bày trên từng chồng xếp đặt ngay ngắn, bên đèn bên quạt điện, trước bàn là một ghế bành gỗ gụ không có nệm. Điều khác thường là bao nhiêu đó được vây kín trong một khung hình lớn lúc nào cũng buông [mùng] sùm sụp để tránh muỗi. Mỗi ngày cơm chiều xong là ông tản bộ đi chơi, đi thăm hỏi bạn bè, khi chuyện trò trong Hội Khai Trí, nhưng nghiêm luật bắt đi bắt dịch là đúng mười giờ đêm, dù mưa gió bão bùng, thế nào ông cũng có mặt nơi ‘bàn mùng’ để cặm cụi dùi mài cho đến hai giờ sáng.”(7)

Chỉ một năm sau khi về hưu (1943), thời cuộc bắt đầu đưa đẩy chuyển ông sang một hướng rẽ đầy phong ba bão táp mà bình sinh có lẽ ông chưa bao giờ kịp nghĩ tới. “Một cơn gió bụi” nổi lên bao trùm hoàn hải trong bối cảnh cuộc Chiến Tranh Thế Giới thứ Hai đến hồi quyết liệt đã làm cho cuộc đời nhà giáo, nhà nghiên cứu Trần Trọng Kim không còn được êm ả một cách tương đối như trước.

(...)

Đầu tháng 3-1948, ở tuổi sáu mươi lăm, vừa túng thiếu vừa mệt mỏi và bất lực trước thời cuộc, lại bị đám chính khách cơ hội tối ngày bao vây trong căn nhà ở chật hẹp của người anh vợ, ông quyết định bỏ Sài Gòn qua Nam Vang (Phnompenh, Campuchia) sống với người con gái, cũng trong cảnh nghèo túng. Trong thời gian này, ông đã tập hợp các bản thảo nhật ký của mình viết thành cuốn hồi ký Một Cơn Gió Bụi, mà phần kết thúc là nêu lên một số nhận xét về những chỗ hay dở của phong trào Việt Minh và khẳng định tấm lòng chân thành của ông đối với dân tộc. Đây là quyển sách có nhiều sử liệu quý hiếm mà ta không thể tìm thấy bất kỳ ở đâu trong số những tập “chính sử” hiện đại, rất cần được giới nghiên cứu sử học quan tâm khảo định kỹ vì có thể còn một số chi tiết chưa chính xác, để viết lại bộ thông sử sau này, nhất là về những sự kiện lịch sử Việt Nam liên quan giai đoạn 1945-1949.

Tâm trạng ông vào khoảng thời gian tạm trú Nam Vang được ghi lại ngay trong đầu sách qua hai câu thơ trích dẫn của Đái Thúc Luân (732-789) thời Đường:

Liêu lạc bi tiền sự

Chi li tiểu thử thân.

(Quạnh hiu buồn nỗi trước kia

Vẫn vợ chuyện vật, cười khi tấm thân.)

Và trong đoạn tâm sự gần cuối tập hồi ký: “Tôi nay già rồi, không còn hăng hái làm được việc gì nữa. Tôi chỉ mong được yên ổn, để về nghỉ ngơi cho trọn tuổi già, ấy là cái sở nguyện chân thực của tôi. Và trong quãng đường tôi vừa đi qua, trải bao những cảnh huống đau buồn khổ sở, may như Trời Phật cứu giúp, tôi duy trì được đến bây giờ, mà không trụ lạc vào đâu cả, thật là cái phúc lớn vậy.” (8)

Lãng Nhân kể: “Vốn là người nho nhã phác thực và chân thành, khi không (9) bị lôi cuốn vào trường chính trị, phải đối phó với một canh bạc thò lò sáu mặt, không thích ứng với lòng mình, nên mỗi khi nhàn thoai ông hay mân mê điều thuốc lá vắn tay, chắc lưỡi một đường triết lý: Nghĩ cho cùng, ở đời chẳng cái đêch gì ra cái đêch gì...” (10)

Ít lâu sau ông trở về Việt Nam, rồi thuê nhà định cư tại Hà Nội.

Sau do lời mời của Quốc Trưởng Bảo Đại, ông vào Sài Gòn dự Đại Hội Đồng Quốc Gia (còn gọi “Quốc Dân Đại Hội”) từ ngày 06-9-1953, được bầu làm Chủ Tịch Chủ Tịch Đoàn nhưng chỉ hư vị và không thực tế làm gì, ông lên Đà Lạt định sống an dưỡng cùng với gia đình nhưng chưa được bao lâu thì mất đột ngột tại đây vì bị đứt mạch máu ngày 02-12-1953, thọ bảy mươi một tuổi, thi thể được đưa máy bay về Hà Nội an táng, cạnh chùa Láng.(11)

(...)

Trần Trọng Kim được đánh giá là một học giả uyên thâm cả tân học lẫn cựu học, là người tận tụy cho ngành giáo dục Việt Nam đầu thế kỷ Hai Mươi.

(...)

Khoảng hơn chục năm gần đây, qua lớp bụi thời gian, (...) người ta bắt đầu biết đến rồi nhận ra giá trị, cho in đi in lại nhiều lần những Việt Nam Sử Lược, rồi Nho Giáo, Phật Giáo, Phật Lục... nhất là bộ sách Quốc Văn Giáo Khoa Thư và Luân Lý Giáo Khoa Thư do ông [Trần Trọng Kim] chủ trì nhóm biên soạn.

Từ năm 2000, tức bốn mươi bảy năm sau khi Trần Trọng Kim qua đời, mới thấy mục từ TRẦN TRỌNG KIM bắt đầu xuất hiện trong cuốn Từ Điển Nhân Vật Lịch Sử Việt Nam do Đinh Xuân Lâm và Trương Hữu Quýnh chủ biên (Nxb Giáo Dục).

Năm 2004, khi bộ sách quy mô Từ Điển Văn Học bộ mới ra đời (Nxb Thế Giới), mục từ TRẦN TRỌNG KIM lại được đưa vào một cách trân trọng hơn, do nhà nghiên cứu văn học Nguyễn Huệ Chi trình bày, với gần đây ba trang giấy khổ lớn, bỏ hết mọi lời công kích.

25-11-2013

TRẦN VĂN CHÁNH

Nguồn: Tạp chí Nghiên Cứu Và Phát Triển
(Huế: Sở Khoa Học và Công Nghệ Thừa Thiên - Huế,
số 6-7 [104-105] năm 2013.

(1) Dương Quảng Hàm, Việt Nam Văn Học Sử Yếu. Sài Gòn: Bộ Giáo Dục, Trung Tâm Học Liệu, 1968, tr. 450.

(2) Vũ Ngọc Phan, Nhà Văn Hiện Đại. Nxb Văn Học - Hội Nghiên Cứu Và Giảng Dạy Văn Học Sài Gòn, 1994. Tập I, tr. 181.

(3) Vũ Ngọc Phan, sách đã dẫn, tr. 208-209.

(4) Phạm Thế Ngũ, Việt Nam Văn Học Sử Giản Ước Tân Biên. Sài Gòn: Quốc Học Tùng Thư, 1965. Tập III, tr. 301-302.

(5) Xem bài Bàn Thêm Về Trần Trọng Kim, tạp chí Văn Hóa Nghệ An, 26-11-2009.

(6) Lãng Nhân Phùng Tất Đắc, Nhớ Nơi Kỳ Ngộ. Hoa Kỳ: Nxb Ziên Hồng 1997, tr. 84.

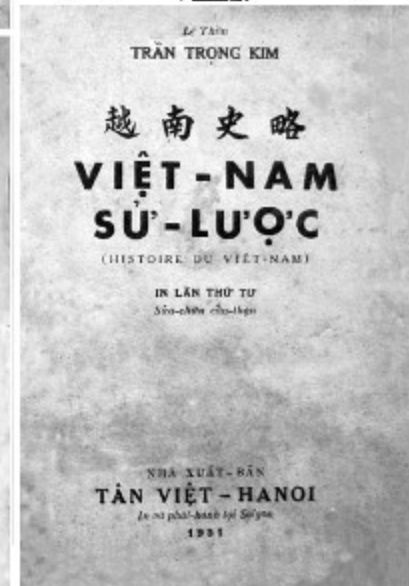
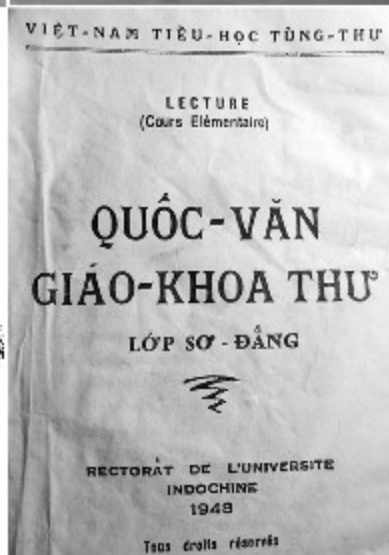
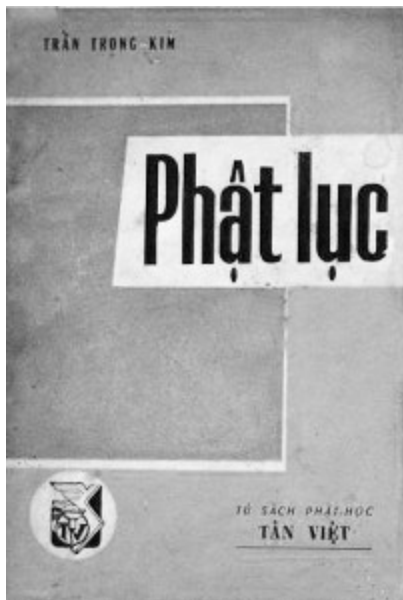
(7) Lãng Nhân Phùng Tất Đắc, sách đã dẫn, tr. 84-85.

(8) Trần Trọng Kim, Một Con Gió Bụi. Sài Gòn: Nxb Vĩnh Sơn, 1969, tr. 185.

(9) Khi không: Bỗng dung, vô tình, bất ngờ... [Văn Uyển chú]

(10) Lãng Nhân Phùng Tất Đắc, sách đã dẫn, tr. 67.

(11) Chùa Láng (Chiêu Thiên Tự 昭禪寺) ở làng Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội. [Văn Uyển chú]



Một số sách của học giả Trần Trọng Kim